

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/08/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn và nuôi con
chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trường Vũ và ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 10, ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt.

Bị đơn: Anh Lâm Văn K, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 10, ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th trình bày: Năm 2002, chị Th quen biết với anh Lâm Văn K, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau lễ cưới, chị Th và anh K sống chung gia đình anh K tại khu vực khóm LT B, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG. Khoảng một năm sau, anh K và chị Th về nhà của gia đình chị Th sinh sống tại khu vực ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG cho đến nay. Ngày 28/3/2013, chị Th và anh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG, số vào sổ 38/HT, quyển số 01/2013. Thời gian đầu chung vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, chị Th và anh K sống xa nhau từ năm 2021

đến nay. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không thành nên chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị Th và anh K có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Bảo Ng, sinh ngày 23/06/2004 (đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013. Hiện cháu H đang sống với chung với chị Th và anh K. Sau khi ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành thu thập xác minh chứng cứ: Xác minh (ghi lời khai) của ông Lâm Văn X về mâu thuẫn gia đình của anh K và chị Th cụ thể:

Ông Lâm Văn X (cha ruột của anh Lâm Văn K) cung cấp: Th và K tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp thuận, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ở xã LA, TC, AG. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh K và chị Th ở chung với gia đình ông X tại số nhà 105/17/20 hẻm Nguyễn Công Nhân, khóm LT B, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG. Khoảng một năm sau, anh K và chị Th về nhà của gia đình Th tại ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG sinh sống cho đến nay. Ông X không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng K và Th vì K và Th không nói ông X biết. Tuy nhiên, cách đây khoảng 02 năm, K và Th cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và sống xa nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân, K và Th có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Bảo Ng, sinh ngày 23/06/2004 và Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013. Hiện hai con chung được chị Th lo ăn học đầy đủ.

Kết quả xác minh tại Công an xã LA, thị xã TC, tỉnh AG: Anh Lâm Văn K, sinh năm 1981 có đăng ký thường trú tại tổ 10, ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG.

Tại phiên tòa, chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh K, anh K vắng mặt.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xét hỏi tại phiên tòa nhận thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Lâm Văn K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị Th và anh K đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị Th khai, chị Th và anh K có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Bảo Ng, sinh ngày 23/06/2004 (đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013. Hiện cháu H đang sống với chung với chị Th và cháu H có nguyện vọng sống chung với chị Th sau khi chị Th và anh K. Đồng thời, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu nuôi con chung của chị Th là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh Lâm Văn K của chị Nguyễn Thị Hồng Th.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Th được nuôi dưỡng con chung tên Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013. Anh K không phải cấp dưỡng cho nhau để nuôi con chung.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Ngén cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Hồng Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn K. Anh K có nơi cư trú tại tổ 10, ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lâm Văn K được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh K tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận và tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG ngày 28/3/2013, số và sổ 38/HT, quyển số 01/2013 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Th và anh K là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Th khai, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của chị Th và anh K hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, chị Th và anh K sống xa nhau từ năm 2021 đến nay. Chị Th yêu cầu ly hôn với anh K do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo kết quả xác minh ông Lâm Văn X (cha ruột của anh Lâm Văn K): chị Th và anh K tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp thuận, đi đến hôn nhân và sống xa nhau từ năm 2021 đến nay do mâu thuẫn về tình cảm.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Th và anh K hàn gắn tình cảm, nhưng anh K vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Th và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Th ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: chị Th khai, trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh K có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Bảo Ng, sinh ngày 23/06/2004 (đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013. Hiện cháu H đang sống với chung với chị Th và anh K. Sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ Th.

Theo lời khai của Trịnh Văn X (cha ruột anh K) cho biết: Trong thời kỳ hôn nhân, K và Th có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Bảo Ng, sinh ngày

23/06/2004 và Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013. Hiện hai con chung được chị Th lo ăn học đầy đủ.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu H, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Xét, giao con chung tên Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th khai, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp.

Anh K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Chị Nguyễn Thị Hồng Th được ly hôn với anh Lâm Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38/HT, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã LA, thị xã TC, tỉnh AG cấp ngày 28/3/2013 cho anh Lâm Văn K và chị Nguyễn Thị Hồng Th không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh K có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Bảo Ng, sinh ngày 23/06/2004 (đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013.

Chị Nguyễn Thị Hồng Th được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lâm Thị Bảo H, sinh ngày 23/06/2013, anh Lâm Văn K không phải cấp dưỡng cho nhau để nuôi con chung.

Chị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006988 ngày 10/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Anh Lâm Văn K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh K là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh AG (01);
- VKSND TX. TC (02);
- Chi cục THADS TX. TC (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thùy Dương